

Kết quả Bộ chỉ số 766 tháng 10/2025 - phường Kiến An

UBND phường Kiến An tháng 10/2025

- Tổng điểm: 91.88
- Công khai minh bạch: 18
- Tiến độ giải quyết: 19.97
- Dịch vụ công trực tuyến: 8.11
- Thanh toán trực tuyến: 9.15
- Mức độ hài lòng: 18
- Số hóa hồ sơ: 18.65

STT	Xã	Điểm
1	UBND phường Lê Thanh Nghị	93.86
2	UBND xã An Lão	93.4
3	UBND xã Phú Thái	93.3
4	UBND xã Ninh Giang	93.29
5	UBND xã Hà Bắc	93.17
6	UBND xã Lai Khê	93.12
7	UBND xã Bình Giang	93.09
8	UBND phường Lưu Kiếm	93.02
9	UBND xã An Quang	93.01
10	UBND xã Hà Nam	93.01
11	UBND xã An Thành	92.99
12	UBND xã Vĩnh Hải	92.98
13	UBND phường Trần Nhân Tông	92.97
14	UBND xã Kim Thành	92.96
15	UBND phường Lê Đại Hành	92.95
16	UBND Đặc khu Cát Hải	92.95
17	UBND phường Hồng Bàng	92.94
18	UBND xã Vĩnh Bảo	92.92
19	UBND xã Trần Phú	92.92
20	UBND phường Nhị Chiểu	92.91
21	UBND phường Đồ Sơn	92.9
22	UBND phường Ngô Quyền	92.89
23	UBND xã Tiên Lãng	92.89
24	UBND xã Đường An	92.88
25	UBND phường Phù Liễn	92.86
26	UBND phường An Hải	92.85
27	UBND xã An Trường	92.84
28	UBND xã Tân An	92.84

29	UBND phường Trần Liễu	92.82
30	UBND xã Quyết Thắng	92.81
31	UBND xã Tiên Minh	92.81
32	UBND xã Tân Kỳ	92.8
33	UBND phường Kinh Môn	92.8
34	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	92.8
35	UBND xã Khúc Thừa Dụ	92.79
36	UBND xã Vĩnh Thịnh	92.79
37	UBND xã Nam Thanh Miện	92.77
38	UBND xã Bắc Thanh Miện	92.77
39	UBND xã Tuệ Tĩnh	92.77
40	UBND phường Trần Hưng Đạo	92.76
41	UBND xã Trường Tân	92.75
42	UBND phường Nguyễn Trãi	92.75
43	UBND xã Chấn Hưng	92.75
44	UBND phường Việt Hòa	92.74
45	UBND xã Nguyên Giáp	92.73
46	UBND xã Hồng Châu	92.71
47	UBND xã Vĩnh Lại	92.7
48	UBND phường Gia Viên	92.68
49	UBND xã Hà Đông	92.68
50	UBND xã Việt Khê	92.67
51	UBND phường An Phong	92.67
52	UBND xã Cẩm Giang	92.67
53	UBND xã Thanh Miện	92.66
54	UBND phường Chí Linh	92.65
55	UBND xã Hợp Tiến	92.65
56	UBND xã Hà Tây	92.65
57	UBND xã Nam An Phụ	92.64
58	UBND phường Nguyễn Đại Nãi	92.63
59	UBND phường Chu Văn An	92.62
60	UBND xã Hùng Thắng	92.62
61	UBND xã Vĩnh Thuận	92.61
62	UBND phường Nam Đồ Sơn	92.61
63	UBND xã Nam Sách	92.6
64	UBND xã Lạc Phượng	92.59
65	UBND phường Hòa Bình	92.59
66	UBND phường Đông Hải	92.59

67	UBND xã Chí Minh	92.58
68	UBND xã Nghi Dương	92.57
69	UBND xã Vĩnh Hòa	92.57
70	UBND phường Lê Ích Mộc	92.56
71	UBND xã Kẽ Sắt	92.55
72	UBND phường Thạch Khôi	92.55
73	UBND xã Thái Tân	92.54
74	UBND xã Kiến Hưng	92.54
75	UBND xã Tân Minh	92.53
76	UBND phường Bạch Đằng	92.53
77	UBND xã Yết Kiêu	92.49
78	UBND phường Bắc An Phụ	92.47
79	UBND xã Kiến Hải	92.43
80	UBND xã Thượng Hồng	92.43
81	UBND phường Hồng An	92.42
82	UBND phường Nam Đồng	92.39
83	UBND xã Vĩnh Am	92.39
84	UBND xã An Hưng	92.38
85	UBND xã Kiến Thụy	92.38
86	UBND phường Thiên Hương	92.28
87	UBND phường Tân Hưng	92.28
88	UBND phường An Dương	92.27
89	UBND xã Mao Điền	92.27
90	UBND xã Thanh Hà	92.24
91	UBND phường Dương Kinh	92.21
92	UBND xã An Khánh	92.21
93	UBND phường Tứ Minh	92.2
94	UBND phường Ái Quốc	92.16
95	UBND phường Hải Dương	92.14
96	UBND phường Hải An	92.12
97	UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	92.11
98	UBND phường Nam Triệu	92.1
99	UBND phường Phạm Sư Mạnh	92.08
100	UBND xã Cẩm Giàng	92.06
101	UBND phường Hưng Đạo	92.04
102	UBND phường An Biên	92.03
103	UBND phường Thủy Nguyên	91.92
104	UBND phường Kiến An	91.88

105	UBND phường Lê Chân	91.88
106	UBND xã Tứ Kỳ	91.19
107	UBND xã Kiến Minh	91.18
108	UBND xã An Phú	90.88
109	UBND xã Gia Lộc	90.75
110	UBND xã Gia Phúc	90.62
111	UBND phường Thành Đông	90.32
112	UBND xã Hải Hưng	89.88
113	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	89.57
114	UBND xã Đại Sơn	86.06